

**ISPM 12**



**TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ  
CÁC BIỆN PHÁP KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

**TIÊU CHUẨN SỐ 12**

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT  
(2011)**

Ban thư ký Công ước quốc tế về Bảo vệ thực vật

© FAO 2011

**Publication history**

*This is not an official part of the standard.*

1996-05 CEPM-3 added the topic *Phytosanitary certificates* (1996-003)

1996-08 EWG developed draft text

1997-10 CEPM-4 postponed the discussion

1998-05 CEPM-5 discussed draft text

1999-05 CEPM-6 revised draft text and approved for MC

1999-06 Sent for MC

2000-11 ISC-2 revised draft text for adoption

2001-04 ICPM-3 adopted standard

**ISPM 12.** 2001. *Guidelines for phytosanitary certificates*. Rome, IPPC, FAO.

2006-04 CPM-1 added topic *Revision of ISPM 12* (2006-035)

2006-11 SC approved Specification 38 *Revision of ISPM 7 and ISPM 12*

2008-02 EWG revised standard

2009-05 SC revised standard and approved for MC

2009-06 Sent for MC

2010-02 Steward revised the standard text in response to member comments

2010-05 SC-7 revised standard

2010-11 SC revised standard for adoption

2011-03 CPM-6 adopted revised standard

**ISPM 12.** 2011. *Phytosanitary certificates*. Rome, IPPC, FAO. Publication history: Last modified August 2011

**MỤC LỤC**

<b>Phê duyệt .....</b>	<b>4</b>
<b>GIỚI THIỆU.....</b>	<b>4</b>
Phạm vi áp dụng.....	4
Tài liệu tham khảo.....	4
Thuật ngữ định nghĩa.....	5
<b>MỤC ĐÍCH YẾU CẦU .....</b>	<b>5</b>
<b>TỔNG QUAN .....</b>	<b>6</b>
<b>CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT .....</b>	<b>7</b>
1. Giấy Chứng nhận Kiểm dịch thực vật.....	7
2. Các hoạt động đối với việc cấp giấy chứng nhận KDTV ..	10
3. Xem xét đối với các nước nhập khẩu và các NPPQ cấp Giấy chứng nhận KDTV.....	11
3.1.1 Giấy chứng nhận KDTV không có giá trị .....	11
3.1.2 Giấy chứng nhận giả mạo.....	12
4. Xem xét cụ thể cho việc chuẩn bị và cấp Giấy chứng nhận KDTV.....	13
5. Hướng dẫn và yêu cầu hoàn tất Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu.....	15
6. Xem xét các tình huống tái xuất khẩu và quá cảnh.....	22
<b>Phụ lục 1: Mẫu Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu .....</b>	<b>25</b>
<b>Phụ lục 2: Mẫu Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu .....</b>	<b>27</b>
<b>APPENDIX 1: Chứng nhận KDTV điện tử , thông tin về tiêu chuẩn XML         và cơ chế trao đổi thông tin .....</b>	<b>29</b>
<b>APPENDIX 2: Từ ngữ quy định cho tờ khai bổ sung .....</b>	<b>29</b>

## Phê duyệt

Tiêu chuẩn này được thông qua lần 1 tại Phiên họp lần thứ 3 của Ủy ban Lâm thời về Các biện pháp Kiểm dịch thực vật tháng 4, 2001 với tên gọi *Hướng dẫn cấp giấy Chứng nhận Kiểm dịch thực vật*. Bản soát xét lần 1 của Tiêu chuẩn này được thông qua tại Phiên họp thứ 6 của Ủy ban về Các biện pháp Kiểm dịch thực vật tháng 3, 2011, và là tiêu chuẩn hiện nay: ISPM số 12: 2011

## GIỚI THIỆU

### Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này cung cấp các yêu cầu và hướng dẫn cho việc cấp Giấy chứng nhận KDTV<sup>1</sup> (chứng nhận KDTV xuất khẩu và tái xuất khẩu)

Các chỉ dẫn chi tiết về yêu cầu và quy định về hệ thống cấp chứng nhận KDTV do tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia (NPPO) cung cấp trong ISPM số 7: 2011

### Tài liệu tham khảo

**IPPC.** *International Plant Protection Convention Công ước quốc tế về Bảo vệ thực vật*. Rome, IPPC, FAO.

**ISPM 1.** 2006. *Phytosanitary principles for the protection of plants and the application of phytosanitary measures in international trade* Rome, IPPC, FAO.

**ISPM 5.** *Glossary of phytosanitary terms*. Rome, IPPC, FAO.

**ISPM 7.** 2011. *Phytosanitary certification system*. Rome, IPPC, FAO.

**ISPM 13.** 2001. *Guidelines for the notification of non-compliance and emergency action*. Rome, IPPC, FAO.

**ISPM 18.** 2003. *Guidelines for the use of irradiation as a phytosanitary measure* Rome, IPPC, FAO.

**ISPM 25.** 2006. *Consignments in transit*. Rome, IPPC, FAO.

**ISPM 32.** 2009. *Categorization of commodities according to their pest risk* .

---

<sup>1</sup> IPPC đề cập đến "Giấy chứng nhận KDTV cho các mục đích xuất khẩu và " Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu "cho mục đích tái xuất khẩu. Để giữ cho việc sử dụng những thuật ngữ đơn giản và rõ ràng trong tiêu chuẩn này "Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu" và "Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu" được gọi là "Giấy chứng nhận KDTV" cho cả hai loại giấy chứng nhận trên.

Rome, IPPC, FAO.

### **Thuật ngữ định nghĩa**

Các định nghĩa về thuật ngữ KDTV được sử dụng trong tiêu chuẩn này có thể xem trong ISPM số 5

*(Thuật ngữ Kiểm dịch thực vật)*

### **MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**

Chứng nhận kiểm dịch thực vật là chứng nhận rằng lô hàng đáp ứng yêu cầu KDTV nhập khẩu và được thực hiện bởi NPPO. Giấy Chứng nhận KDTV xuất khẩu và tái xuất khẩu chỉ được cấp bởi công chức chuyên trách có đủ trình độ và được uỷ quyền của NPPO.

Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu được ban hành bởi NPPO của quốc gia có thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể thuộc diện KDTV đã được trồng, hoặc chế biến. Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu được ban hành bởi NPPO của nước tái xuất khẩu (tại đó hàng hóa đã không được trồng và chế biến) khi lô hàng không có nguy cơ nhiễm dịch hại và tuân thủ các yêu cầu KDTV nhập khẩu của nước nhập khẩu, và đã có bản gốc hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận KDTV .

Các NPPO phải sử dụng mẫu giấy chứng nhận KDTV của IPPC.

Khi thông tin xin cấp giấy chứng nhận KDTV vượt quá ô trống cần điền trong Giấy Chứng nhận KDTV mẫu thì phải đính kèm thông tin bổ sung\*.

Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nên đi kèm với các lô hàng hoặc có thể được chuyển qua đường bưu điện hoặc các phương tiện khác, hoặc thoả thuận giữa các quốc gia, NPPO có thể sử dụng Giấy chứng nhận KDTV điện tử, bằng cách sử dụng tiêu chuẩn hóa ngôn ngữ, hoặc trao đổi nghị định thư và thông báo.

Giấy chứng nhận KDTV có thể chỉ có giá trị trong một thời gian cũng như tình trạng KDTV của lô hàng có thể thay đổi sau khi được cấp giấy chứng nhận KDTV. NPPO của nước xuất hoặc nước nhập có thể thực hiện các quy định có liên quan.

Thủ tục chi tiết cần phải làm trong trường hợp thay thế giấy chứng nhận KDTV là bản sao chứng thực Giấy chứng nhận KDTV và những sửa đổi đối với giấy chứng nhận KDTV. Mọi hành vi gian lận hoặc Giấy chứng nhận KDTV không hợp lệ đều không được chấp nhận.

Xem xét cụ thể cho trường hợp tái xuất khẩu, đặc biệt là khi việc cấp Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu không được yêu cầu cấp bởi nước tái xuất khẩu và các biện pháp KDTV cụ thể đã được tiến hành tại nước xuất xứ

## TỔNG QUAN

Chứng nhận KDTV dùng để chứng thực rằng các lô hàng đáp ứng yêu cầu KDTV nhập khẩu và được áp dụng cho hầu hết các thực vật, sản phẩm thực vật, và các vật thể thuộc diện KDTV khác trong thương mại quốc tế. Chứng nhận KDTV góp phần bảo vệ thực vật(BVTV), bao gồm cây trồng và cây hoang hóa/ thực vật không được quản lý và thực vật hoang dã (bao gồm cả thực vật thủy sinh), môi trường sống và hệ sinh thái ở các nước nhập khẩu. Chứng nhận KDTV cũng tạo điều kiện thương mại quốc tế cho các thực vật, sản phẩm thực vật, và các vật thể thuộc diện KDTV khác bằng việc cung cấp một tài liệu quốc tế đã đồng ý và các thủ tục liên quan.

Việc kiểm tra và các hoạt động liên quan khác trong cấp giấy chứng nhận KDTV chỉ do NPPO thực hiện. Việc cấp giấy chứng nhận KDTV phải do các cán bộ có trình độ chuyên môn, được NPPO uỷ quyền thay mặt thực hiện với sự kiểm soát của NPPO với những thông tin hợp lệ cung cấp cho cán bộ thuộc cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu trong ký kết hợp đồng để các bên có thể tin cậy vào giấy chứng nhận KDTV này.

[Xem ISPM số 7: 2011]

Điều này đã được làm rõ tại Hội nghị FAO năm 1997 trong quá trình thông qua bản sửa đổi năm 1997 của IPPC: "Điều này được hiểu rằng ... 'công chức có trình độ và được uỷ quyền của NPPO' bao gồm cán bộ từ NPPO". Từ "Công" trong văn bản mang ý nghĩa là người là làm việc cho chính phủ, không phải làm việc cho công ty tư nhân. "Bao gồm các cán bộ từ NPPO" có nghĩa là công chức có thể trực tiếp làm việc cho NPPO, nhưng không bắt buộc phải trực thuộc NPPO.

IPPC cũng nêu yêu cầu cho việc sử dụng các mẫu giấy chứng nhận KDTV (trong Điều V.3):

- Các bên cam kết không yêu cầu các chuyển hàng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc các vật thể thuộc diện KDTV khác được nhập khẩu vào lãnh thổ nước mình mang theo giấy chứng nhận KDTV khác với các mẫu quy định trong Phụ lục của IPPC. Bất kỳ yêu cầu về khai báo bổ sung phải được giới hạn bởi các phán quyết kỹ thuật.

## **CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

### **1. Giấy Chứng nhận Kiểm dịch thực vật**

#### **1.1. Mục đích của Giấy Chứng nhận KDTV**

Giấy chứng nhận KDTV được cấp để chứng nhận rằng chuyến hàng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc các vật thể thuộc diện KDTV khác đã đáp ứng yêu cầu KDTV của nước nhập khẩu và tuân thủ nội dung chứng nhận theo mẫu quy định. Giấy chứng nhận KDTV cũng có thể được cấp cho các lô hàng tái xuất khẩu. Giấy chứng nhận KDTV chỉ được cấp cho các mục đích trên.

#### **1.2. Phương thức cấp Giấy chứng nhận KDTV**

Trong Phụ lục của IPPC, có hai loại giấy chứng nhận: một là "giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật(xem Phụ lục 1 của tiêu chuẩn này) cho các mục đích xuất khẩu và hai là " Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất"(xem Phụ lục 2 của tiêu chuẩn này) cho mục đích tái xuất khẩu2.

Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu thường được NPPO của nước xuất khẩu cấp. Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu mô tả các lô hàng và qua kiểm tra hồ sơ kê khai về tình trạng hàng hoá và biện pháp xử lý, tuyên bố rằng tình trạng của lô hàng đáp ứng các yêu nhập khẩu. Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu cũng có thể được cấp trong trường hợp tái xuất khẩu với thực vật, sản phẩm thực vật và các loại hàng hoá khác có nguồn gốc từ các nước khác không phải là nước xuất khẩu nếu tình trạng KDTV của lô hàng đã được cơ quan KDTV của các quốc gia tái xuất khẩu xác minh (ví dụ : bằng cách kiểm tra).

Giấy Chứng nhận KDTV tái xuất có thể được NPPO nước tái xuất cấp trong trường hợp hàng hoá không được trồng ở nước đó hoặc đã qua xử lý không còn ở dạng tự nhiên ban đầu và chỉ khi đã có Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu của nước xuất xứ hoặc có Bản sao hợp lệ. Việc cấp giấy chứng nhận KDTV tái xuất sẽ kết nối với cơ quan chứng nhận KDTV nước xuất khẩu và sẽ xem xét bất kỳ thay đổi nào về tình trạng KDTV có thể xảy ra ở nước tái xuất.

Thủ tục quản lý và các hệ thống cấp hai loại giấy chứng nhận KDTV đảm bảo tính pháp lý của chúng là như nhau.

Theo Điều V.2(b) của IPPC thì mẫu giấy chứng nhận KDTV của IPPC cung cấp từ ngữ đã tiêu chuẩn hoá để làm căn cứ cấp giấy chứng nhận KDTV. Các tiêu chuẩn của giấy chứng nhận KDTV là cần thiết để đảm bảo tính

nhất quán, dễ được công nhận, và đầy đủ thông tin cần thiết. Khuyến khích các NPPO sử dụng một định dạng duy nhất cho giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu và chứng nhận KDTV tái xuất khẩu và gửi mẫu định dạng Giấy chứng nhận KDTV đến Cổng thông tin KDTV quốc tế (IPP) (<https://www.ippc.int>) để ngăn chặn giả mạo

Giấy chứng nhận KDTV có thể là dạng giấy hoặc dạng điện tử nếu được NPPO nước nhập khẩu chấp nhận.

Chứng nhận KDTV điện tử là bản điện tử tương đương với Giấy chứng nhận KDTV ở dạng giấy, trên đó có từ ngữ và dữ liệu, bao gồm lời chứng nhận, được truyền qua phương tiện điện tử đảm bảo tin cậy từ NPPO của nước xuất khẩu tới NPPO của nước nhập khẩu. Việc cấp Chứng nhận KDTV điện tử không phải là xử lý văn bản hay xây dựng bằng công nghệ điện tử các mẫu giấy tờ để sau đó gửi đi không theo đường điện tử. Cấp Chứng nhận KDTV điện tử cũng không phải là hành động chuyển một phiên bản điện tử của giấy chứng nhận (ví dụ qua e-mail).

NPPO nên áp dụng các biện pháp an toàn để ngăn chặn giấy chứng nhận KDTV giả mạo, ví dụ như giấy tờ đặc biệt có hình chìm hoặc in ấn đặc biệt. Khi sử dụng cấp giấy chứng nhận điện tử cũng cần áp dụng biện pháp bảo vệ thích hợp.

Giấy chứng nhận KDTV chỉ hợp lệ khi đáp ứng tất cả các yêu cầu như có ngày cấp, chữ ký và con dấu, đóng dấu, niêm phong, hoặc hoàn thành bản điện tử của NPPO nước xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu.

### **1.3. Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận KDTV**

Trường hợp thông tin yêu cầu hoàn tất Giấy chứng nhận KDTV vượt quá khuôn khổ cho trước, thì cần có phụ lục đính kèm. Bản phụ lục chỉ nên đưa những gì mà giấy chứng nhận KDTV yêu cầu. Phụ lục này cũng được đánh số trang và đề ngày, có chữ ký và con dấu như Giấy chứng nhận KDTV. Giấy chứng nhận KDTV nên tham khảo các thông tin có trong đính kèm. Nếu phụ lục có nhiều trang, các trang được đánh số và ghi số lượng trang trên giấy chứng nhận KDTV. Các tài liệu khác như Giấy chứng nhận của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) có thể đi kèm với các lô hàng cùng với giấy chứng nhận KDTV, nhưng không được coi là giấy chứng nhận KDTV mà chỉ dùng làm tài liệu tham khảo.

### **1.4. Giấy chứng nhận KDTV điện tử**

Có thể dùng Giấy chứng nhận KDTV điện tử nếu NPPO nước nhập khẩu chấp nhận.



Khi dùng Giấy chứng nhận KDTV điện tử thì NPPO cần có hệ thống tạo giấy chứng nhận bằng ngôn ngữ chuẩn hóa, trao đổi thông báo và nghị định thư. Phụ lục 1[ xây dựng, sửa đổi cho phần đính kèm phù hợp] cung cấp hướng dẫn về tiêu chuẩn hóa ngôn ngữ, trao đổi thông báo và nghị định thư.

Giấy chứng nhận KDTV điện tử có thể được sử dụng theo các quy định dưới đây:

- Phương thức phát hành, chuyển phát và mức độ bảo mật phải được NPPO của nước nhập khẩu chấp nhận và nếu có liên quan đến NPPO của các nước tham gia khác .
- Các thông tin cung cấp phải phù hợp với mẫu giấy chứng nhận KDTV của IPPC.
- Mục đích chứng nhận KDTV tuân theo quy định của IPPC.
- Đảm bảo sự thống nhất về cấp có thẩm quyền (NPPO) cấp giấy chứng nhận

### **1.5. Hình thức chuyển phát**

Giấy chứng nhận KDTV nên đi kèm với các lô hàng. Giấy chứng nhận KDTV cũng có thể được chuyển một cách riêng biệt qua bưu điện hoặc các phương tiện khác nếu được NPPO của nước nhập khẩu chấp nhận. Trong trường hợp cấp Giấy chứng nhận KDTV điện tử cần chuyển trực tiếp cho các quan chức NPPO có liên quan. Trong mọi trường hợp, giấy chứng nhận KDTV cần có sẵn cho NPPO của các nước nhập khẩu trước khi chuyển hàng đến .

### **1.6. Thời hạn có hiệu lực**

Tình trạng KDTV của lô hàng có thể thay đổi sau khi đã cấp giấy chứng nhận KDTV và do đó các NPPO của nước xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu có thể quyết định về thời hạn cho giấy chứng nhận KDTV sau khi cấp và trước khi xuất khẩu.

NPPO của nước xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu cần xác định khoảng thời gian thích hợp để kiểm tra khả năng lô hàng bị nhiễm dịch hại trước khi xuất hoặc tái xuất. Khả năng nhiễm như vậy có thể do ảnh hưởng của bao gói (thùng kín hoặc đóng không chặt) và môi trường cất trữ (quá hở hoặc quá kín), loại hàng hóa và phương tiện vận chuyển, mùa vụ của năm và loài dịch hại. Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu vẫn có thể được sử dụng sau thời gian này để cấp giấy chứng nhận KDTV tái xuất với điều kiện là chuyển hàng không có nguy cơ bị nhiễm và đạt được yêu cầu KDTV nhập khẩu của nước nhập.

NPPO của các nước nhập khẩu cũng có thể ra điều kiện như là một phần của yêu cầu KDTV nhập khẩu về thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận KDTV.

## **2. Các hoạt động đối với việc cấp giấy chứng nhận KDTV**

### **2.1 Bản sao chứng thực của Giấy chứng nhận KDTV**

Một bản sao được chứng thực là một bản sao của bản gốc Giấy chứng nhận KDTV được xác nhận (đóng dấu, đề ngày và dấu chứng thực) của NPPO cho thấy đó là một bản sao đại diện thực sự của Giấy chứng nhận KDTV gốc. Nó có thể được cấp theo yêu cầu của người xuất khẩu. Nó không thay thế bản gốc. Những bản sao này được sử dụng chủ yếu cho mục đích tái xuất khẩu.

### **2.1 Thay Giấy chứng nhận KDTV**

Có thể thay Giấy chứng nhận KDTV theo yêu cầu của chủ hàng xuất (sau khi đã được cấp). Điều này chỉ nên thực hiện trong trường hợp đặc biệt (ví dụ làm hỏng Giấy chứng nhận KDTV, thay đổi địa chỉ, tên quốc gia của điểm đến hoặc điểm nhập cảnh, thiếu thông tin hoặc thông tin không chính xác) và nên được thực hiện bởi NPPO của nước đã cấp Giấy chứng nhận KDTV thay thế.

Trong mọi trường hợp, khi cấp giấy các NPPO cần yêu cầu các nhà xuất khẩu trả lại bản gốc và bản sao chứng thực Giấy chứng nhận KDTV đã được cấp cho các chuyến hàng.

Các yêu cầu khác liên quan đến thay Giấy chứng nhận KDTV bao gồm:

- Giấy chứng nhận KDTV được trả lại để thay mới phải được NPPO của nước đã cấp giữ lại và hủy bỏ Giấy chứng nhận KDTV vật mới không nên có cùng một số Giấy thay thế. Không dùng lại số của Giấy chứng nhận ban đầu
- Khi giấy chứng nhận KDTV đã cấp trước đó không được trả lại và không được NPPO kiểm soát (ví dụ: đánh mất hoặc đang ở một quốc gia khác), thì NPPO có thể quyết định cấp Giấy chứng nhận khác thay thế. Giấy chứng nhận KDTV mới không nên có số tương tự như giấy chứng nhận KDTV được thay và bắt đầu bằng câu "Giấy chứng nhận này thay cho và hủy bỏ Giấy chứng nhận KDTV số [điền số] cấp ngày [điền ngày]".

## **2.3 Sửa đổi Giấy chứng nhận KDTV**

Nên tránh sửa đổi vì chúng có thể tạo ra sự không chắc chắn về tính hợp lệ của Giấy chứng nhận KDTV. Tuy nhiên, nếu thay đổi là cần thiết, thì chỉ thực hiện trên bản gốc giấy chứng nhận KDTV mà NPPO đã cấp. Nên hạn chế việc sửa đổi và phải đóng dấu, đề ngày và có chữ ký chứng thực của NPPO phát hành.

### **3. Xem xét đối với các nước nhập khẩu và các NPPO cấp Giấy chứng nhận KDTV**

NPPO nước nhập khẩu có thể chỉ yêu cầu giấy chứng nhận KDTV với các vật thể thuộc diện KDTV. Đó thường là các thực vật hoặc sản phẩm thực vật nhưng cũng có thể là các vật thể khác như containers rỗng, xe tải và các sinh vật khác ngoài các thực vật buộc phải áp dụng các biện pháp KDTV.

NPPO nước nhập khẩu có thể yêu cầu giấy chứng nhận KDTV đối với các sản phẩm thực vật đã qua chế biến tới những nơi mà các dịch hại thuộc diện điều chỉnh không có khả năng du nhập, hoặc các vật thể khác không đòi hỏi phải áp dụng các biện pháp KDTV (xem IPPC Điều VI.2 và ISPM 32:2009)

NPPOs nên tham khảo ý kiến song phương khi có quan điểm khác nhau về mặt kỹ thuật về yêu cầu Giấy chứng nhận KDTV. Yêu cầu đối với giấy chứng nhận KDTV cần tôn trọng các nguyên tắc minh bạch, không phân biệt đối xử, cần thiết và có căn cứ kỹ thuật (xem ISPM 1:2006).

#### **3.1 Giấy chứng nhận KDTV không được chấp nhận**

NPPOs của nước nhập khẩu không chấp nhận Giấy chứng nhận KDTV mà họ xác định là không hợp lệ hoặc gian lận. NPPO của nước cấp giấy sẽ được thông báo trong thời gian ngắn nhất về Giấy chứng nhận KDTV không được chấp nhận hoặc khả nghi như mô tả trong ISPM số 13:2001. Trường hợp NPPO của nước nhập khẩu nghi ngờ rằng Giấy chứng nhận KDTV có thể là không được chấp nhận, thì có thể yêu cầu sự hợp tác kịp thời của NPPO nước xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu trong việc xác định tính hợp lệ hoặc không hiệu lực của Giấy chứng nhận KDTV. NPPO của nước xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu nên có hành động khắc phục cần thiết và xem xét lại hệ thống cấp giấy chứng nhận KDTV để đảm bảo độ tin cậy cao về Giấy chứng nhận KDTV của mình

##### **3.1.1 Giấy chứng nhận KDTV không có giá trị**

Giấy chứng nhận KDTV là không hợp lệ nếu :

- Thông tin không đầy đủ hoặc không chính xác

- Thông tin sai lệch hoặc gây hiểu nhầm
- Thông tin mâu thuẫn nhau hoặc không phù hợp
- Từ ngữ hoặc thông tin không phù hợp với mẫu giấy chứng nhận KDTV
- Bổ sung thông tin trái phép
- Không hợp lệ (không có dấu, ngày hoặc dấu phê chuẩn) sửa chữa hoặc tẩy xóa
- Quá hạn khi dùng làm bản sao chứng nhận tái xuất
- Không đọc được (ví dụ như chữ viết xấu bị nhòe)
- Không được chứng thực
- Truyền thông qua một phương thức chuyển giao trái phép của các NPPO (đối với cấp Giấy chứng nhận KDTV điện tử)
- Chứng nhận cho các sản phẩm bị cấm nhập khẩu.

Đây cũng là những lý do để từ chối cấp Giấy chứng nhận KDTV hoặc yêu cầu bổ sung thông tin.

### 3.1.2 Giấy chứng nhận giả mạo

Giấy chứng nhận giả mạo là:

- không theo đúng mẫu quy định
- không có ngày, con dấu, hoặc dấu niêm phong, và chữ ký của NPPO
- được cấp bởi các cá nhân không được NPPO uỷ quyền.

Giấy chứng nhận KDTV giả là Giấy chứng nhận không hợp lệ. NPPO nên có biện pháp ngăn chặn giả mạo này. Trong trường hợp cấp giấy chứng nhận KDTV điện tử, thì chống giả mạo càng là một yếu tố cần thiết. NPPO nước xuất khẩu nên có biện pháp khắc phục khi phát hiện hành vi không tuân thủ.

### 3.2 Yêu cầu việc về chuẩn bị và cấp Giấy chứng nhận KDTV nhập khẩu

Nước nhập khẩu thường đưa ra các yêu cầu cụ thể cần phải chú ý đối với

việc chuẩn bị và cấp Giấy chứng nhận KDTV. Các yêu cầu đối với nước nhập khẩu gồm:

- Ngôn ngữ: Giấy chứng nhận KDTV thể hiện bằng một ngôn ngữ cụ thể hoặc một trong các ngôn ngữ được liệt kê (tuy nhiên, khuyến khích các nước dùng một ngôn ngữ chính thức của FAO, thường là tiếng Anh)
- Thời hạn có hiệu lực: Khoảng thời gian cấp giấy sau khi kiểm tra hoặc xử lý, và khoảng thời gian giữa cấp phép và vận chuyển hàng rời nước xuất.
- Hoàn thành Giấy chứng nhận KDTV: có thể đánh máy hoặc viết tay bằng chữ in hoa rõ ràng (bằng ngôn ngữ cho phép).
- Đơn vị tính: sử dụng phần diễn giải chuyến hàng và các khai báo khác .

#### **4. Xem xét cụ thể cho việc chuẩn bị và cấp Giấy chứng nhận KDTV**

Giấy chứng nhận KDTV chỉ được cấp bởi các cán bộ có đủ trình độ và được NPPO ủy quyền.

Giấy chứng nhận KDTV chỉ được cấp khi đã xác nhận là đã đáp ứng các yêu cầu KDTV nhập khẩu

Giấy chứng nhận KDTV chỉ chứa những thông tin cần thiết để làm rõ các liên quan đến chuyến hàng

Giấy chứng nhận KDTV chỉ nên chứa những thông tin liên quan đến các vấn đề KDTV. Chúng không nên bao gồm các báo cáo liên quan đến yêu cầu phi KDTV như các vấn đề về động vật hoặc về sức khỏe con người, dư lượng thuốc trừ sâu, phóng xạ, thông tin thương mại (ví dụ như thư tín dụng), hoặc chất lượng hàng hóa.

Để tiện cho tham chiếu chéo giữa giấy chứng nhận KDTV và các tài liệu không liên quan đến chứng nhận KDTV (ví dụ như thư tín dụng, hóa đơn, vận đơn, chứng nhận CITES), ghi chú có thể đi kèm với giấy chứng nhận KDTV với mã nhận dạng, biểu tượng hoặc số lượng các tài liệu có liên quan yêu cầu tham chiếu chéo. Chỉ sử dụng Ghi chú như vậy khi cần và không nên coi là một phần của giấy chứng nhận KDTV.

Tất cả các phần của giấy chứng nhận KDTV cần được điền đầy đủ. Trường hợp không có thông tin, đánh từ "NONE" vào hoặc dòng đó hoặc đánh dấu cả dòng để ngăn ngừa bổ sung trái phép .

Đối với các lô hàng tái xuất thì thông tin cụ thể từ nước xuất xứ có thể là cần thiết, tuy nhiên, điều này có thể không ghi sẵn trên giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu (ví dụ như thiếu thông tin cụ thể về việc khai báo bổ sung về giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu, hoặc chính nước tái xuất khẩu không yêu cầu Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu). Trong trường hợp này, nếu các yêu cầu KDTV nhập khẩu cụ thể có thể không được đáp ứng trong nước tái xuất khẩu, thì không cấp giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu. Tuy nhiên, có thể áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp giấy chứng nhận KDTV cho hàng xuất khẩu là yêu cầu của nước tái xuất khẩu, theo yêu cầu của các nhà xuất khẩu, NPPO của nước xuất xứ có thể cung cấp thêm thông tin KDTV (ví dụ như kết quả kiểm tra mùa vụ) theo yêu cầu của nước tái xuất khẩu. Những thông tin có thể là cần thiết cho việc cấp giấy chứng nhận KDTV tái xuất. Thông tin này nên để trong phần khai bổ sung, thuộc nhóm "Thông tin KDTV bổ sung chính thức" (xem phần 5).
- Trường hợp giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu không được nước tái xuất khẩu yêu cầu, mà theo yêu cầu của nhà xuất khẩu, NPPO của nước xuất xứ vẫn có thể cấp giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu. Đây là đối với các lô hàng nhằm mục đích tái xuất sang các nước khác để cung cấp thêm thông tin KDTV cần thiết cho việc cấp giấy chứng nhận KDTV tái xuất.

Trong cả hai trường hợp trên, nước tái xuất khẩu phải đảm bảo rằng tình trạng chuyển hàng vẫn được duy trì và không có nguy cơ bị nhiễm dịch hại.

Giấy chứng nhận KDTV cần được cấp trước khi lô hàng chuyển đi, tuy nhiên, cũng có thể được cấp sau khi gửi lô hàng đi nếu cung cấp được thông tin sau:

An toàn KDTV của lô hàng đã được đảm bảo, và

NPPO của nước xuất khẩu đã tiến hành lấy mẫu, kiểm tra và có biện pháp xử lý cần thiết đáp ứng yêu cầu KDTV nhập khẩu trước khi lô hàng chuyển đi.

Nếu các tiêu chí này không được đáp ứng, thì không cấp giấy chứng nhận KDTV.

Trong trường hợp giấy chứng nhận KDTV được cấp sau khi hàng rời đi, ngày kiểm tra phải được ghi rõ trong phần khai bổ sung nếu nước nhập khẩu yêu cầu.

## **5. Hướng dẫn và yêu cầu hoàn tất Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu**

Thông tin cần điền vào các mục trong giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu như sau:

*[Tiêu đề in đậm là các mục trong giấy chứng nhận mẫu, xem mẫu ở Phụ lục 1]*

**Số** \_\_\_\_\_

Đây là số của Giấy chứng nhận. Mỗi giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu có một mã số duy nhất, cho phép truy nguyên lô hàng, thuận tiện cho kiểm toán và phục vụ cho lưu giữ hồ sơ.

**Tổ chức Bảo vệ thực vật của** \_\_\_\_\_

Tên của các quốc gia cấp giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu sẽ được liệt kê ở đây cùng với tên của NPPO.

**Gửi : Tổ chức Bảo vệ thực vật của** \_\_\_\_\_

Tên nước nhập khẩu sẽ được liệt kê ở đây. Trường hợp hàng quá cảnh qua một nước khác và nước nhập khẩu có yêu cầu KDTV cụ thể thì cần có tên của cả hai nước trong giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu, và nước quá cảnh phải được chỉ định. Cần lưu ý để đảm bảo yêu cầu KDTV nhập khẩu, quá cảnh của mỗi nước đều được đáp ứng phù hợp. Trường hợp lô hàng được nhập khẩu và sau đó tái xuất sang một nước khác, tên của cả hai nước có thể được điền vào, miễn là đáp ứng được yêu cầu KDTV nhập khẩu của cả hai nước

### **Phần I. Diễn giải về chuyên hàng**

**Tên và địa chỉ của người xuất khẩu** \_\_\_\_\_

Thông tin này xác định nguồn gốc của lô hàng để tạo điều kiện thuận lợi truy nguyên và kiểm toán của NPPO nước xuất khẩu. Địa chỉ của người xuất khẩu nên được đặt tại nước xuất khẩu. Tên và địa chỉ của đại diện tại địa phương cho người gửi hoặc người xuất khẩu được sử dụng trong trường hợp người xuất khẩu là một công ty quốc tế có địa chỉ ở nước ngoài.

**Tên và địa chỉ của người nhận hàng** \_\_\_\_\_

Tên và địa chỉ đưa vào đây phải có đầy đủ chi tiết để NPPO của nước nhập khẩu dễ xác nhận danh tính của người nhận hàng và khi cần có thể thực hiện truy nguyên với hành vi không tuân thủ. Trường hợp không biết

người nhận hàng, "To order" có thể được sử dụng nếu NPPO của nước nhập khẩu cho phép sử dụng thuật ngữ này và chấp nhận bất kỳ rủi ro liên quan. Nước nhập khẩu có thể yêu cầu địa chỉ của người nhận hàng là một địa điểm tại nước nhập khẩu

### **Số lượng và loại bao bì đóng gói**\_\_\_\_\_

Ghi rõ số lượng và chủng loại bao gói. Thông tin chi tiết đầy đủ để giúp NPPO của nước nhập khẩu có thể liên kết cấp Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu cho các chuyến hàng tương ứng. Trong một số trường hợp (ví dụ: ngũ cốc và gỗ để rời) vận chuyển bằng container hoặc tàu hoả được coi là đơn vị tính (ví dụ: 10 container). Trong trường hợp các lô hàng để rời/số lượng lớn, thuật ngữ "để rời/số lượng lớn" có thể được sử dụng.

### **Ký mã hiệu**\_\_\_\_\_

Ký mã hiệu được ghi rõ và đầy đủ trên bao bì (ví dụ: số lô, số serial hoặc tên thương hiệu) và mã số vận đơn hoặc tên (ví dụ: container, số toa tàu hoặc tên tàu thủy trong trường hợp các lô hàng số lượng lớn) là cần thiết cho việc xác định chuyến hàng.

### **Nơi xuất xứ**\_\_\_\_\_

Nơi xuất xứ là nơi hàng hóa được gieo trồng hoặc sản xuất và nơi mà nó có thể có tình trạng hàng hoá bị nhiễm hoặc nhiễm lẫn dịch hại thuộc diện điều chỉnh. Trong mọi trường hợp, tên của quốc gia hoặc các quốc gia xuất xứ cần phải được nêu đầy đủ. Thông thường chuyến hàng có tình trạng KDTV của nó từ nơi xuất xứ. Các nước có thể yêu cầu tên hoặc mã xác định vùng không nhiễm dịch hại, nơi sản xuất không nhiễm dịch hại hoặc điểm sản xuất sản xuất không nhiễm dịch hại. Thông tin chi tiết về vùng không nhiễm dịch hại, nơi sản xuất không nhiễm dịch hại hoặc điểm sản xuất sản xuất không nhiễm dịch hại cung cấp trong phần khai bổ sung.

Nếu hàng hóa được đóng gói lại, cất trữ hoặc vận chuyển, tình trạng KDTV của nó có thể thay đổi theo thời gian vì vị trí mới và bị nhiễm hoặc lẫn nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh. Tình trạng KDTV cũng có thể được thay đổi do quá trình xử lý, khử trùng hàng hoá để loại bỏ dịch hại. Vì vậy, hàng hoá có thể đạt được tình trạng KDTV từ một nơi khác. Trong những trường hợp như vậy, mỗi quốc gia và địa điểm, nếu cần, phải khai báo về điểm xuất xứ trong ngoặc đơn, ví dụ khai là "X nước xuất khẩu (Y quốc gia xuất xứ)".

Nếu chuyến hàng trong đó rất nhiều hàng có nguồn gốc ở những nơi hoặc các nước khác nhau, thì cần chỉ rõ tên tất cả các quốc gia và địa điểm nói



trên. Để dễ truy nguyên hàng hóa, trong những trường hợp như vậy, nơi thích hợp nhất cho việc này là hồ sơ được lưu trữ tại các công ty xuất khẩu.

Nếu thực vật đã được nhập khẩu hoặc di chuyển trong một quốc gia và đã được trồng trong một thời gian cụ thể (tùy từng mặt hàng có liên quan, nhưng thường là qua một hay nhiều mùa), các thực vật này có thể được coi là đã thay đổi nơi xuất xứ của mình, cần phải cung cấp thông tin về tình trạng KDTV để xác định nước nào hay nơi nào đã phát triển cây trồng này.

**Phương tiện vận chuyển:** \_\_\_\_\_

Phần này đề cập đến phương tiện chuyển khi hàng hóa rời khỏi nước đã chứng nhận. Các thuật ngữ như "tàu biển", "con thuyền", "máy bay", "con đường", "xe tải", "đường sắt", "bưu điện" và "hàng xách tay" có thể được sử dụng để mô tả phương tiện vận chuyển. Phải ghi tên của con tàu và số chuyến tàu hoặc số chuyến bay của máy bay vận chuyển nếu biết. Các phương tiện vận chuyển được nhà xuất khẩu khai báo. Thường thì điều này sẽ thực hiện với phương tiện vận chuyển trực tiếp đầu tiên cho chuyến hàng sau khi cấp giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu. Trong khi di chuyển phương tiện vận chuyển hàng hóa có thể thay đổi, ví dụ như một container được chuyển từ một con tàu tới một chiếc xe tải. Nếu đã có ký mã hiệu để xác định chuyến hàng, thì đủ để khai báo phương tiện vận chuyển đầu tiên. Do đó không nhất thiết phải khai phương tiện vận chuyển được sử dụng khi đến nước nhập khẩu..

**Điểm nhập cảnh:** \_\_\_\_\_

Đây là địa điểm đến đầu tiên trong quốc gia nhập khẩu, hoặc nếu không biết, phải có tên đất nước đó. Trường hợp chuyển hàng quá cảnh qua quốc gia khác thì cần phải ghi lại tên quốc gia đó nếu nước quá cảnh đó có yêu cầu KDTV cho các chuyến hàng quá cảnh. Phải ghi tên điểm nhập cảnh của nước quá cảnh, hoặc nếu không biết thì phải viết tên nước quá cảnh đó, phải ghi chú trong ngoặc đơn.

Người xuất khẩu phải khai báo điểm nhập cảnh tại thời điểm cấp giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu. Điểm nhập cảnh này có thể thay đổi vì nhiều lý do khác nhau, và nếu nhập cảnh vào một nước hay ở một nơi khác với điểm đã khai báo nhập cảnh đều bị coi là không tuân thủ. Tuy nhiên, khi NPPO của nước nhập khẩu đã quy định các điểm nhập cảnh vào trong Giấy chứng nhận KDTV của mình, thì có thể khai tên một điểm cụ thể trong số điểm đã khai báo và chuyển hàng phải nhập vào tại điểm đó.

**Tên và số lượng sản phẩm:** \_\_\_\_\_

Phần này phải mô tả hàng hóa đầy đủ bao gồm tên của thực vật, sản phẩm thực vật hoặc các vật thể thuộc diện KDTV khác, đơn vị tính và số lượng càng chính xác càng tốt để cho phép NPPO của nước nhập khẩu để xác minh hàng hóa bên trong. Áp mã số quốc tế để dễ xác định hàng hóa (ví dụ như mã số Hải quan) và sử dụng các đơn vị đo lường và thuật ngữ quốc tế công nhận (hệ đo lường m3). Bởi vì yêu cầu KDTV nhập khẩu áp dụng sẽ khác nhau nếu mục đích sử dụng khác nhau (ví dụ như tiêu dùng hay làm giống) hoặc tình trạng sản phẩm (ví dụ như sản phẩm tươi hay khô), nên mục đích sử dụng hoặc tình trạng sản phẩm phải được ghi rõ. Mục này không đề cập tới tên thương mại, quy mô hay các thuật ngữ thương mại khác.

**Tên khoa học của thực vật:** \_\_\_\_\_

Thông tin đưa vào mục này để xác định tên khoa học đang được sử dụng chính thức của thực vật và sản phẩm thực vật. Tối thiểu là ghi tên giống nhưng tốt hơn vẫn là tên loài.

Trong trường hợp không thể mô tả chính xác đặc điểm sinh học của từng vật thể thuộc diện KDTV và các thành phần của sản phẩm tổng hợp như thức ăn gia súc thì các NPPO bên xuất và nhập sẽ chấp nhận lẫn nhau về một tên gọi chung thích hợp hoặc viết từ Not Applicable, hoặc N/A.

**Phần chứng nhận**

Nay chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện KDTV nêu trên đã được kiểm tra hoặc thử nghiệm theo quy trình thích hợp và được coi là không có dịch hại theo quy định của nước nhập khẩu và hợp với yêu cầu KDTV hiện hành của nước nhập khẩu.

Xét thấy thực tế hàng không bị nhiễm các dịch hại khác\*. [\*Câu này không bắt buộc]

- Trường hợp có yêu cầu nhập khẩu cụ thể hoặc có những dịch hại KDTV xác định thì Giấy chứng nhận dùng để xác nhận sự phù hợp theo các quy định hoặc yêu cầu của nước nhập khẩu.
- Trường hợp không có yêu cầu cụ thể thì NPPO của nước xuất khẩu có thể xác nhận tình trạng KDTV chung của chuyến hàng.
- NPPO của các nước xuất khẩu có thể đưa vào Giấy chứng nhận KDTV các điều khoản không bắt buộc, còn NPPO của các nước nhập khẩu thì không được.

- “*Quy trình chính thức phù hợp*” là quy trình do NPPO thực hiện hoặc do các cá nhân được ủy quyền bởi NPPO trong việc chứng nhận KDTV. Những quy trình này nên phù hợp với các ISPM liên quan. Trường hợp không có bất kỳ ISPM liên quan thì những quy trình này có thể được xác định bởi NPPO của nước nhập khẩu.

“*Được xem là không nhiễm dịch hại KDTV*” là việc áp dụng các quy trình KDTV nhưng không có nghĩa là hoàn toàn không nhiễm dịch hại trong mọi trường hợp, mà đúng hơn là dịch hại KDTV không xuất hiện do đã áp dụng các quy trình phát hiện và loại trừ chúng. Các quy trình có thể thay đổi tùy theo khả năng dịch hại không bị phát hiện hoặc loại trừ, do vậy phải tính đến việc xác định một quy trình phù hợp.

Trong một số trường hợp đã áp dụng xử lý chiếu xạ mà vẫn phát hiện được các pha còn sống của dịch hại trong chuyến hàng. Cần cung cấp thông tin về biện pháp xử lý theo ISPM số 18:2003, và cần áp dụng biện pháp xử lý thích hợp để giải quyết tình huống này, tính hợp lệ của phần này trong Phần chứng nhận không bị ảnh hưởng do việc phát hiện ra các pha còn sống của dịch hại mục tiêu không bị coi là không tuân thủ.

“*Yêu cầu KDTV*”, theo quy định của nước nhập khẩu, là những yêu cầu bắt buộc chính thức quy định các điều kiện cần đáp ứng để ngăn chặn sự xâm nhập hoặc lan rộng của dịch hại. NPPO của nước nhập khẩu sẽ cụ thể hóa các quy định về KDTV nhập khẩu trong luật, quy định hoặc các văn bản khác (ví dụ như giấy phép nhập khẩu, các hiệp định và thoả thuận song phương khác).

“*Bên cam kết nhập khẩu*” được hiểu là các chính phủ tham gia IPPC

## **Phần II. Khai báo bổ sung**

Khai báo bổ sung là cung cấp thêm thông tin cụ thể về chuyến hàng liên quan đến các dịch hại thuộc diện điều chỉnh. Khai báo bổ sung cần ngắn gọn và xúc tích. NPPO của các nước nhập khẩu nên thường xuyên xem xét sự cần thiết phải kê khai bổ sung và không nên yêu cầu khai báo bổ sung với các từ ngữ yêu tương tự như trên Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu. Nội dung bản khai báo bổ sung có thể được quy định trong các quy định KDTV, giấy phép nhập khẩu hoặc các thoả thuận song phương. Phương pháp xử lý không nên nêu trong phần này, mà nêu ở phần III của Giấy chứng nhận KDTV

Khai báo bổ sung chỉ chứa thông tin chi tiết về KDTV theo yêu cầu của NPPO nước nhập khẩu hoặc yêu cầu của nhà xuất khẩu cho các mục đích

chứng nhận KDTV trong tương lai và không nên lặp lại thông tin đã ghi chú trong Phần chứng nhận hoặc trong phần xử lý. Trong trường hợp khi có yêu cầu KDTV nhập khẩu cho phép một số biện pháp thay thế, NPPO của nước xuất khẩu nên kê khai bổ sung các giải pháp đã áp dụng.

Phụ lục 2 cung cấp các ví dụ về nội dung của các tờ khai bổ sung mà NPPO nước nhập khẩu thường yêu cầu. NPPO khuyến khích sử dụng các từ ngữ tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục 2 khi được yêu cầu hoặc cung cấp tờ khai bổ sung.

Trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu giấy phép nhập khẩu, giấy phép nhập khẩu phải ghi số để tiện tham chiếu.

Trường hợp giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu được cấp sau khi chuyển hàng đã rời đi, và nếu nước nhập khẩu yêu cầu phải ghi thêm ngày kiểm tra vào phần này của giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu (xem thêm điều kiện áp dụng trong phần 4).

Bản bổ sung chính thức thông tin KDTV được đưa vào với mục đích cấp giấy chứng nhận KDTV trong tương lai, như Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu (xem phần 4), nên thông tin đó cần được trình bày ở đây. Thông tin này nên được tách biệt rõ ràng từ lúc khai bổ sung theo yêu cầu của nước nhập khẩu và phải thêm tiêu đề: "Thông tin bổ sung chính thức về KDTV".

### **Phần III. Các biện pháp xử lý KDTV**

Gồm các mục dưới đây:

#### **Ngày xử lý**

Ngày, tháng đã áp dụng biện pháp xử lý với chuyển hàng. Phải ghi đầy đủ ngày tháng năm để tránh nhầm lẫn.

#### **Biện pháp xử lý**

Biện pháp xử lý đã áp dụng cho chuyển hàng. (VD: xử lý nhiệt, chiếu xạ)

#### **Hóa chất (hoạt chất)**

Tên hoạt chất hoặc hóa chất đã dùng để xử lý hàng hóa

#### **Thời gian và nhiệt độ**

Khoảng thời gian xử lý và nhiệt độ trong khi tiến hành xử lý hàng hóa

#### **Nồng độ**

Nồng độ và liều lượng áp dụng khi xử lý hàng hóa

## **Thông tin bổ sung**

Thông tin thêm cần thiết có liên quan

- Các biện pháp xử lý chỉ được áp dụng khi nước nhập khẩu chấp nhận hoặc đề xuất (trường hợp hàng quá cảnh) và thực hiện tại nước xuất khẩu dưới sự giám sát của / hoặc cơ quan có thẩm quyền của NPPO nước xuất khẩu nhằm đáp ứng các yêu cầu KDTV nhập khẩu.
- Với các biện pháp xử lý chiếu xạ, cần phải xem xét các điều khoản trong ISPM số 18:2003

## **Đóng dấu của cơ quan**

Trên Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu phải có đủ con dấu chính thức, đóng dấu chứng thực của NPPO cấp. Thông thường NPPO nước xuất khẩu chỉ sử dụng một con dấu, để đóng dấu giáp lai hoặc có ký hiệu thống nhất trong toàn quốc. Nó sẽ được công chức đóng vào Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu sau khi hoàn tất bản khai hoặc bản in. Lưu ý khi thực hiện phải đảm bảo các con dấu, tem, ký hiệu không che khuất thông tin cần thiết.

## **Tên, ngày cấp, chữ ký của cán bộ có thẩm quyền**

Tên của cán bộ cấp, ngày cấp giấy chứng nhận phải được in, đánh máy, đóng dấu hoặc viết tay một cách rõ ràng (dùng chữ in và bằng ngôn ngữ cho phép). Tên của các tháng cần phải được viết đầy đủ để không gây nhầm lẫn ngày, tháng, năm.

Mặc dù các phần của giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu có thể được hoàn thành từ trước, nhưng ngày ghi là ngày cấp giấy. Theo yêu cầu của NPPO nước nhập khẩu, NPPO nước xuất khẩu nên xác minh tính xác thực của chữ ký của cán bộ có thẩm quyền. Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu được ký chỉ sau khi nó được hoàn thành hợp lệ.

Khi cấp Giấy chứng nhận KDTV điện tử, dữ liệu chứng nhận phải được chứng thực bởi NPPO. Cần thẩm định chữ ký của cán bộ có thẩm quyền, con dấu, dấu giáp lai hoặc ký hiệu. Dữ liệu trên Giấy chứng nhận điện tử là tương đương với dữ liệu cần hoàn thành trên Bản giấy của Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu.

## **Trách nhiệm về mặt tài chính**

Tuyên bố về trách nhiệm tài chính của các NPPO trên giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu là không bắt buộc và theo quyết định của NPPO nước xuất khẩu.

## **6. Xem xét các tình huống tái xuất khẩu và quá cảnh**

Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu tương tự như giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu, ngoại trừ nội dung chứng nhận. Trong nội dung này trên giấy chứng nhận KDTV tái xuất, NPPO của nước tái xuất khẩu sẽ chứng nhận bằng cách đánh dấu vào các ô thích hợp, giấy chứng nhận này sẽ kèm theo Bản gốc hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận KDTV cho dù chuyển hàng có được đóng gói lại hay không, cho dù các container còn nguyên hay mới, và việc kiểm tra bổ sung có được thực hiện hay không.

Nếu không định danh được các thực vật, sản phẩm thực vật hoặc các vật thể thuộc diện KDTV khác trong chuyển hàng hoặc chuyển hàng có nguy cơ bị nhiễm dịch, hoặc hàng hóa đã được xử lý để thay đổi bản chất của nó, thì không cấp Giấy chứng nhận KDTV tái xuất. NPPO của nước tái xuất khẩu, theo yêu cầu của người xuất khẩu, có thể thực hiện các thủ tục KDTV thích hợp và nếu NPPO tin rằng các yêu cầu KDTV nhập khẩu được đáp ứng thì có thể cấp giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu. Nơi xuất xứ vẫn để nguyên trong ngoặc đơn trên Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu.

Nếu NPPO của nước tái xuất khẩu không yêu cầu Giấy chứng nhận KDTV cho nhập khẩu hàng hóa nhưng NPPO của nước nhập khẩu cuối cùng lại yêu cầu, và các yêu cầu KDTV nhập khẩu có thể được thực hiện bằng cách kiểm tra mẫu bằng mắt hay thử nghiệm trong phòng thí nghiệm, thì nước tái xuất khẩu có thể cấp giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu với tên nước xuất xứ ghi trong ngoặc đơn trong phần Nơi xuất xứ của giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu.

### **6.1 *Cần nhắc khi cấp Giấy chứng nhận cho hàng tái xuất khẩu***

Khi chuyển hàng được nhập vào một quốc gia, sau đó lại xuất sang quốc gia khác, NPPO của nước tái xuất khẩu, theo yêu cầu của nhà xuất khẩu, có thể cấp giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu (xem Mẫu trong Phụ lục 2). NPPO chỉ cấp giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu khi thấy đã đáp ứng yêu cầu KDTV nhập khẩu. Chứng nhận KDTV tái xuất khẩu vẫn có thể được thực hiện nếu lô hàng đã được bảo quản, tách ra, gộp vào các chuyển hàng khác hoặc đóng gói lại, và đảm bảo rằng nó đã không ảnh hưởng hay lẫn nhiễm dịch hại. Trường hợp chuyển hàng kết hợp, thì tất cả các bộ phận liên quan bổ sung vào chuyển hàng đó phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu KDTV nhập khẩu tương tự.

Trước khi cấp giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu, đầu tiên NPPO phải kiểm tra Giấy chứng nhận KDTV gốc hoặc bản sao chứng thực đi kèm với các chuyển hàng nhập khẩu và xác định xem các yêu cầu của nước đến

tiếp theo là nghiêm ngặt hơn, hoặc ít nghiêm ngặt hơn so với những chứng nhận của Giấy chứng nhận KDTV hoặc bản sao chứng thực.

Nếu lô hàng được đóng gói lại hoặc xếp lại mà xác định là bị ảnh hưởng hoặc có nguy cơ bị nhiễm dịch hại, thì phải thực hiện kiểm tra bổ sung. Nếu lô hàng không được đóng gói lại và an ninh KDTV của chuyến hàng vẫn được duy trì, các NPPO nước xuất khẩu sẽ có hai biện pháp kiểm tra các chuyến hàng tái xuất:

- Nếu yêu cầu KDTV nhập khẩu là như nhau hoặc ít nghiêm ngặt hơn, NPPO của nước tái xuất khẩu có thể không cần phải thực hiện kiểm tra bổ sung.
- Nếu yêu cầu KDTV nhập khẩu khác nhau hoặc nghiêm ngặt hơn, NPPO nước tái xuất khẩu có thể thực hiện kiểm tra bổ sung để đảm bảo rằng chuyến hàng phù hợp và đáp ứng với các yêu cầu KDTV của nước nhập khẩu này thông qua việc kiểm tra.

Nước đến (nhập khẩu) có thể có yêu cầu KDTV nhập khẩu (ví dụ như kiểm tra mùa vụ gieo trồng, kiểm tra đất) mà không thể được thực hiện bởi các tái nước xuất khẩu. Trong những trường hợp như vậy, các nước tái xuất khẩu vẫn có thể cấp giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu hoặc Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu nếu:

- Hoặc là nước xuất xứ đã có thông tin cụ thể về việc tuân thủ hoặc đã khai báo về giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu
- Hoặc đã áp dụng biện pháp KDTV thay thế ( như kiểm tra mẫu trong phòng thí nghiệm hoặc biện pháp xử lý) được coi là tương đương và phù hợp với yêu cầu KDTV của nước đến.

Khi có yêu cầu kê khai bổ sung vào Giấy chứng nhận KDTV tái xuất phải dựa vào các hoạt động của NPPO nước tái xuất khẩu. Phần kê khai bổ sung trong bản gốc hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận KDTV không nên được chuyển giao vào giấy chứng nhận KDTV tái xuất.

Cần có sự thoả thuận giữa NPPO của nước xuất xứ và tái xuất khẩu về các quy trình phù hợp đáp ứng yêu cầu KDTV khi bắt đầu hoặc thường xuyên áp dụng quy trình này. Điều này có thể bao gồm việc trao đổi thư từ bằng văn bản giữa các NPPO về các biện pháp KDTV áp dụng tại nơi xuất xứ (ví dụ như kiểm tra mùa vụ gieo trồng, kiểm tra đất) hay cung cấp những đảm bảo cần thiết cho nước tái xuất khẩu để xác nhận cho các chuyến hàng theo yêu cầu của nước đến Bản gốc hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận KDTV phải đi kèm với các chuyến hàng cùng với

Giấy chứng nhận KDTV tái xuất.

Khi cấp Giấy chứng nhận KDTV tái xuất, NPPO của nước tái xuất khẩu phải tạo mọi điều kiện liên quan đến việc quản lý hàng (ví dụ như phân tách, kết hợp, đóng gói, cất trữ) của lô hàng tại nước tái xuất khẩu

Nếu lô hàng được tách ra và được tái xuất riêng biệt, thì khi đó giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu và các bản sao chứng thực của Giấy chứng nhận KDTV từ nước xuất khẩu sẽ phải đi kèm với tất cả các chuyến hàng như vậy.

Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu chỉ được ký sau khi nó được hoàn thành hợp lệ.

## **6.2 Hàng quá cảnh**

Nếu chuyến hàng quá cảnh qua một nước và được xác định là không ảnh hưởng đến nước quá cảnh đó thì NPPO của nước quá cảnh không cần tham gia vào việc cấp giấy chứng nhận KDTV (ISPM số 25:2006).

Nếu an toàn KDTV của chuyến hàng có nguy cơ trong thời gian quá cảnh, và NPPO của nước quá cảnh nhận được yêu cầu tham gia, thì NPPO có thể thực hiện cấp giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu phù hợp với quy định được mô tả trong tiêu chuẩn này.

Nếu phương tiện vận chuyển thay đổi trong thời gian quá cảnh, hoặc vận chuyển hai hay nhiều lô hàng trên cùng một phương tiện không nên coi là lý do để cấp giấy chứng nhận KDTV trừ phi tình trạng KDTV và an toàn của chuyến hàng bị nguy hiểm.

Các nước nhập khẩu có thể có yêu cầu KDTV nhập khẩu cụ thể (ví dụ như yêu cầu đóng dấu giáp lai, cách đóng gói cụ thể) giải quyết cho các nước xuất khẩu về các chuyến hàng nhập khẩu khi di chuyển quá cảnh qua các nước khác nếu các rủi ro cụ thể được xác định.



*Phụ lục này là một phần bắt buộc của Tiêu chuẩn này*

## **Phụ lục 1: Mẫu Giấy chứng nhận KDTV xuất khẩu**

*[Phụ lục gốc của IPPC]*

Số. \_\_\_\_\_

Tổ chức BVTV của \_\_\_\_\_

Gửi: Tổ chức BVTV của \_\_\_\_\_

### **I. Diễn giải về chuyến hàng**

Tên và địa chỉ của người xuất khẩu: \_\_\_\_\_

Tên và địa chỉ người nhận hàng: \_\_\_\_\_

Số lượng và mô tả bao bì đóng gói: \_\_\_\_\_

Ký mã hiệu: \_\_\_\_\_

Nơi xuất xứ: \_\_\_\_\_

Phương tiện vận chuyển: \_\_\_\_\_

Địa điểm nhập cảnh: \_\_\_\_\_

Tên và khối lượng sản phẩm: \_\_\_\_\_

Tên khoa học của thực vật: \_\_\_\_\_

Chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện KDTV nêu trên đã được kiểm tra hoặc thử nghiệm theo quy trình thích hợp và được coi là không có dịch hại KDTV và dịch hại thông thường khác theo quy định của nước nhập khẩu và phù hợp với yêu cầu KDTV hiện hành của nước nhập khẩu..

Lô hàng được coi như không bị nhiễm các dịch hại khác\*.

### **II. Khai báo bổ sung**

[Điền nội dung vào đây ]

### **III. Biện pháp xử lý KDTV**

Ngày xử lý \_\_\_\_\_ Biện pháp xử lý \_\_\_\_\_ Hoá chất (hoạt chất) \_\_\_\_\_

Thời gian và nhiệt độ trong quá trình xử lý \_\_\_\_\_

Nồng độ \_\_\_\_\_

Thông tin bổ sung \_\_\_\_\_

Nơi cấp \_\_\_\_\_

Dấu của cơ quan) \_\_\_\_\_

Tên của cán bộ có thẩm quyền \_\_\_\_\_

Ngày cấp \_\_\_\_\_

(Ký tên)

Không chịu trách nhiệm tài chính liên quan tới việc chứng nhận \_\_\_\_\_

(Tên của NPPO) \_\_\_\_\_

hoặc công chức (Câu này không bắt buộc) \_\_\_\_\_

hoặc cơ quan đại \_\_\_\_\_

diện thực hiện. \_\_\_\_\_

*Phụ lục này là một phần quy định bắt buộc của Tiêu chuẩn này*

## **Phụ lục 2: Mẫu Giấy chứng nhận KDTV tái xuất khẩu**

*[Phụ lục gốc của IPPC]*

Số: \_\_\_\_\_

Tổ chức BTVT của \_\_\_\_\_

(bên tái xuất) \_\_\_\_\_

Gửi: Tổ chức BTVT của \_\_\_\_\_

(bên nhập khẩu)

### **I. Diễn giải về chuyến hàng**

Tên và địa chỉ của người xuất khẩu: \_\_\_\_\_

Tên và địa chỉ người nhận hàng: \_\_\_\_\_

Số lượng và mô tả bao bì đóng gói: \_\_\_\_\_

Ký mã hiệu: \_\_\_\_\_

Nơi xuất xứ: \_\_\_\_\_

Phương tiện vận chuyển: \_\_\_\_\_

Địa điểm nhập cảnh: \_\_\_\_\_

Tên và khối lượng sản phẩm: \_\_\_\_\_

Tên khoa học của thực vật: \_\_\_\_\_

Chứng nhận rằng thực vật, sản phẩm thực vật hoặc vật thể thuộc diện KDTV nêu trên đã nhập vào (tên nước tái xuất) từ \_\_\_\_\_ (tên nước xuất xứ) đã nêu trong Giấy chứng nhận KDTV số \_\_\_\_\_, ~~an~~ ~~gốc~~  ~~an~~ saochúng th ực  ~~gốc~~ gửi kèm với Giấy chứng nhận này; rằng hàng được đóng gói  ~~đóng~~ ~~gói~~  như tại nước xuất xứ  mới  trong containers, và theo cơ sở Giấy chứng nhận KDTV gốc  khai báo kiểm tra bổ sung  hoàn toàn phù hợp với yêu cầu KDTV nhập khẩu hiện hành của bên nhập khẩu, và trong thời gian cất trữ tại \_\_\_\_(tên nước tái xuất khẩu), rằng chuyến hàng không có nguy cơ bị nhiễm dịch hại.

\*Đánh dấu vào các ô  nếu phù hợp

### **II. Khai báo bổ sung**

[Điền nội dung vào đây]

### III. Biện pháp xử lý KDTV

Ngày xử lý \_\_\_\_\_ Biện pháp xử lý \_\_\_\_\_ Hoá chất (hoạt chất) \_\_\_\_\_

Thời gian và nhiệt độ trong quá trình xử lý \_\_\_\_\_

Nồng độ \_\_\_\_\_

Thông tin bổ sung \_\_\_\_\_

Nơi cấp \_\_\_\_\_

(Dấu của cơ quan) \_\_\_\_\_ Tên của cán bộ có thẩm quyền

Ngày cấp \_\_\_\_\_

(Ký tên)

Không chịu trách nhiệm tài chính liên quan tới việc chứng nhận \_\_\_\_\_

(Câu này không bắt buộc)

(Tên của NPPO)

công chức hoặc cơ quan đại diện thực hiện.

*Các phụ lục này chỉ có tính chất tham khảo chứ không là phần quy định của tiêu chuẩn này*

## **APPENDIX 1: Chứng nhận KDTV điện tử , thông tin về tiêu chuẩn XML và cơ chế trao đổi thông tin**

*[đang xây dựng]* Phụ lục này chỉ quan tâm đến ngôn ngữ tiêu chuẩn, thể thức trao đổi thông tin và nghị định thư trên cơ sở kỹ thuật dữ liệu của Trung tâm thuận lợi hoá thương mại và kinh doanh điện tử của Liên hiệp quốc(UN/CEFACT).

## **APPENDIX 2: Từ ngữ quy định cho tờ khai bổ sung**

Các yêu cầu khai báo bổ sung về KDTV nhập khẩu nên sử dụng các thuật ngữ dưới đây. Tuy nhiên đây chỉ là ví dụ, không phải là cách dùng duy nhất

1. Chuyển hàng \* đã kiểm tra và không phát hiện thấy \_\_\_\_\_  
(tên dịch hại hoặc đất *[có tên cụ thể]*).
2. Chuyển hàng \* đã thử nghiệm (có thể nêu biện pháp cụ thể) và không phát hiện thấy \_\_\_\_\_ (tên loài dịch hại)
3. Môi trường để gieo trồng đã thử nghiệm và không phát hiện thấy \_\_\_\_\_  
(tên loài dịch hại).
4. (tên loài dịch hại) không có mặt/không biết xuất hiện ở \_\_\_\_\_  
(tên nước / vùng).
5. Chuyển hàng \* được sản xuất tại \_\_\_\_\_  
Vùng không nhiễm loài \_\_\_\_\_  
(tên loài dịch hại)\*\*  
Vùng dịch hại ít phổ biến \_\_\_\_\_  
(tên loài dịch hại)  
Nơi sản xuất không nhiễm dịch hại \_\_\_\_\_  
(tên loài dịch hại)\*\*  
Điểm sản xuất không nhiễm dịch hại \_\_\_\_\_  
(tên loài dịch hại)\*\*.

6. Nơi sản xuất\*\*/điểm hoặc ruộng sản xuất\*\* đã kiểm tra trong thời gian gieo trồng\*\*\* và không có loài \_\_\_\_\_  
(tên loài dịch hại).
7. Thực vật/cây mẹ đã kiểm tra trong vụ cuối \*\*\* và không có loài \_\_\_\_\_  
(tên loài dịch hại).
8. Thực vật đã sản xuất theo *in vitro* (nêu kỹ thuật *in vitro* cụ thể ) và không có loài \_\_\_\_\_  
(tên loài dịch hại)
9. Thực vật thu được từ cây mẹ đã kiểm tra (có thể nêu tên cụ thể) và không có loài \_\_\_\_\_  
(tên loài dịch hại).
10. Chuyển hàng này\* đã được sản xuất và chuẩn bị xuất khẩu theo \_\_\_\_\_  
(tên các hiệp định song phương về KDTV )
11. Chuyển hàng này được sản xuất từ các giống chống chịu với loài \_\_\_\_\_  
(tên loài dịch hại).
12. Thực vật gieo trồng phù hợp với \_\_\_\_\_ (mức độ chống chịu cụ thể)  
thiết lập theo yêu cầu KDTV nhập khẩu đối với \_\_\_\_\_  
(dịch hại thông thường thuộc diện điều chỉnh cụ thể) \_\_\_\_\_

\* Có thể chỉ áp dụng cụ thể trong phần này.

\*\* Nếu có thể thì thêm vào: “gồm khu vực quanh vùng đệm”.

\*\*\* Thêm vào số vụ/mùa trồng hoặc thời điểm cụ thể nếu thích hợp.